

**PHỤ LỤC 1: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ**

(Kèm theo Nghị quyết số 254/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

| TT         | Danh mục Dự án   | Địa điểm XD | KC-HT     | Quyết định đầu tư  |                                |                  | KH 2021-2025     | Điều chỉnh    |               | KH 2021-2025 điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|--|-------------|-----------|--|--------------------------------|------------------|------------------|---------------|---------------|-------------------------|---------|
|            |  |             |           | Số QĐ; ngày tháng năm ban hành   | TMĐT                           |                  |                  | Giảm (-)      | Tăng (+)      |                         |         |
|            |  |             |           |  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NST    |                  |               |               |                         |         |
| 1          | 2  | 3           | 4         | 5  | 6                              | 7                | 8                | 9             | 10            | 11                      | 12      |
|            | <b>TỔNG SỐ</b>   |             |           |  | <b>4,027,000</b>               | <b>1,317,000</b> | <b>1,047,393</b> | <b>84,200</b> | <b>84,200</b> | <b>1,047,393</b>        |         |
|            | Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024; Nghị quyết 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024   |             |           |  | 237,000                        | 227,000          | 247,393          | 84,200        | 84,200        | 247,393                 |         |
| <b>I</b>   | <b>Điều chỉnh giảm KHĐTC trung hạn 2021-2025</b>   |             |           |  | <b>162,000</b>                 | <b>162,000</b>   | <b>161,340</b>   | <b>84,200</b> |               | <b>77,140</b>           |         |
| 1          | Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)   | Đồng Hới    | 2023-2025 | 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022<br>92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022;<br>2613/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 | 22,000                         | 22,000           | 21,340           | 7,700         |               | 13,640                  |         |
| 2          | Cải tạo, mở rộng các trụ sở công an xã để bố trí làm trụ sở công an xã/ thị trấn sau sáp nhập (Điều chỉnh chủ trương đầu tư của dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã (56 xã) thuộc Công an tỉnh Quảng Bình) | Toàn tỉnh   | 2024-2025 | 27/NQ-HĐND ngày 25/10/2024   | 140,000                        | 140,000          | 140,000          | 76,500        |               | 63,500                  |         |
| <b>II</b>  | <b>Điều chỉnh tăng KHĐTC trung hạn 2021-2025</b>   |             |           |  | <b>75,000</b>                  | <b>65,000</b>    | <b>86,053</b>    |               | <b>84,200</b> | <b>170,253</b>          |         |
| 1          | Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch  | Quảng Trạch | 2023-2025 | 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022<br>3408/QĐ-UBND ngày 07/12/2022  | 47,500                         | 47,500           | 38,800           |               | 7,500         | 46,300                  |         |
| 2          | Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc, huyện Quảng Trạch  | Quảng Trạch | 2023-2025 | 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022<br>3650/QĐ-UBND ngày 07/12/2022  | 27,500                         | 17,500           | 14,550           |               | 2,500         | 17,050                  |         |
| 4          | Dự phòng trung hạn   |             |           |  |                                |                  | 32,703           |               | 74,200        | 106,903                 |         |
| <b>III</b> | <b>Cập nhật thông tin tổng mức đầu tư sau điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công trung hạn</b>  |             |           |  | <b>3,790,000</b>               | <b>1,090,000</b> |                  |               |               | <b>800,000</b>          |         |

|   |   |           |           |   |           |           |         |  |  |         |  |
|---|---|-----------|-----------|---|-----------|-----------|---------|--|--|---------|--|
| 1 | Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình | Toàn tỉnh | 2021-2026 | 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020;<br>27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021; | 3,790,000 | 1,090,000 | 800,000 |  |  | 800,000 | Giai đoạn 2021-2025: 800 tỷ đồng<br>Giai đoạn 2026-2030: 290 tỷ đồng |
|---|---|-----------|-----------|---|-----------|-----------|---------|--|--|---------|--|



**PHỤ LỤC 2: ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ)**

(Kèm theo Nghị quyết số **254**/NQ-HĐND ngày **26** tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Danh mục Dự án  | Địa điểm XD | Khởi công | Hoàn thành | Quyết định đầu tư  |                                |               | Kế hoạch 2021-2025 | Tổng vốn đã bố trí đến năm 2025 |                 | Điều chỉnh    |               | KH vốn năm 2025 bố trí lại | Ghi chú |
|----|---|-------------|-----------|------------|--|--------------------------------|---------------|--------------------|---------------------------------|-----------------|---------------|---------------|----------------------------|---------|
|    |   |             |           |            | Số QĐ; ngày tháng năm ban hành   | TMĐT                           |               |                    | Tổng số                         | KH vốn năm 2025 | Giảm (-)      | Tăng (+)      |                            |         |
|    |   |             |           |            |  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NST |                    |                                 |                 |               |               |                            |         |
| 1  | 2   | 3           | 4         | 5          | 6  | 7                              | 8             | 9                  | 10                              | 11              | 12            | 13            | 14                         | 15      |
|    | <b>Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình</b>   |             |           |            |  |                                |               | <b>594,000</b>     | <b>405,525</b>                  | <b>201,768</b>  | <b>46,810</b> | <b>46,810</b> | <b>201,768</b>             |         |
| 1  | Hỗ trợ đầu tư PCCC theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành |             |           |            |  |                                |               | 1,000              | 1,000                           | 1,000           | 1,000         |               |                            |         |
| 2  | Hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách, ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình)  |             |           |            |  |                                |               | 70,000             | 33,700                          | 5,000           | 5,000         |               |                            |         |
| 3  | Chuẩn bị đầu tư và quy hoạch  |             |           |            |  |                                |               | 70,000             | 25,000                          | 20,000          | 5,610         |               | 14,390                     |         |
| 4  | Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)  | Đồng Hới    | 2023      | 2025       | 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 2613/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 | 22,000                         | 22,000        | 21,340             | 21,340                          | 6,570           | 5,730         |               | 840                        |         |
| 5  | Cải tạo, mở rộng các trụ sở công an xã thị trấn để bố trí làm trụ sở công an xã/thị trấn sau sáp nhập (Điều chỉnh chủ trương đầu tư từ dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã (56 xã) thuộc Công an tỉnh Quảng Bình)   | Toàn tỉnh   | 2025      | 2026       |  | 63,500                         | 63,500        | 70,000             | 70,000                          | 70,000          | 9,470         |               | 60,530                     |         |

| TT | Danh mục Dự án  | Địa điểm XD | Khởi công | Hoàn thành | Quyết định đầu tư   |                                |               | Kế hoạch 2021-2025 | Tổng vốn đã bố trí đến năm 2025 |                 | Điều chỉnh |          | KH vốn năm 2025 bố trí lại | Ghi chú |
|----|---|-------------|-----------|------------|---|--------------------------------|---------------|--------------------|---------------------------------|-----------------|------------|----------|----------------------------|---------|
|    |   |             |           |            | Số QĐ; ngày tháng năm ban hành                              | TMĐT                           |               |                    | Tổng số                         | KH vốn năm 2025 | Giảm (-)   | Tăng (+) |                            |         |
|    |   |             |           |            |   | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NST |                    |                                 |                 |            |          |                            |         |
| 6  | Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bầu Tró                                   | Đồng Hới    | 2023      | 2025       | 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022                                  | 50,000                         | 50,000        | 48,500             | 23,910                          | 20,015          | 10,000     |          | 10,015                     |         |
| 7  | Kè chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)  | Minh Hóa    | 2023      | 2026       | 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022                                  | 43,000                         | 43,000        | 20,500             | 15,500                          | 15,000          | 10,000     |          | 5,000                      |         |
| 8  | Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB  |             |           |            |   |                                |               | 100,000            | 77,622                          | 10,000          |            | 5,000    | 15,000                     |         |
| 9  | Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn  | các huyện   | 2023      | 2025       | 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022                                  | 23,000                         | 23,000        | 22,310             | 16,310                          | 6,110           |            | 5,500    | 11,610                     |         |
| 10 | Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch | Quảng Trạch | 2023      | 2025       | 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022<br>3408/QĐ-UBND ngày 07/12/2022   | 47,500                         | 47,500        | 46,300             | 33,800                          | 12,720          |            | 6,000    | 18,720                     |         |
| 11 | Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc, huyện Quảng Trạch                           | Quảng Trạch | 2023      | 2025       | 56/NQ-HĐND ngày 27/5/2022<br>3650/QĐ-UBND ngày 07/12/2022   | 27,500                         | 17,500        | 17,050             | 12,680                          | 5,190           |            | 2,500    | 7,690                      |         |
| 12 | Nâng cấp hồ chứa nước Dạ Lam  | Lệ Thủy     | 2024      | 2025       | 197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024;<br>59/QĐ-UBND ngày 10/11/2025  | 14,000                         | 14,000        | 14,000             | 8,000                           | 5,000           |            | 6,000    | 11,000                     |         |
| 13 | Nâng cấp Hồ Troóc Vực   | Bố Trạch    | 2024      | 2025       | 197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024;<br>58/QĐ-UBND ngày 10/11/2025  | 20,000                         | 20,000        | 20,000             | 12,000                          | 7,000           |            | 8,000    | 15,000                     |         |
| 14 | Xây dựng mới Trạm Biên phòng CKQT Cha Lo và nâng cấp, cải tạo, sửa chữa một số trạm, tổ công tác biên phòng.        | Minh Hóa    | 2024      | 2026       | 136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023                                 | 30,000                         | 30,000        | 24,500             | 15,163                          | 7,663           |            | 4,810    | 12,473                     |         |
| 15 | Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy                          | Lệ Thủy     | 2023      | 2025       | 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022;<br>3854/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 | 50,000                         | 50,000        | 48,500             | 39,500                          | 10,500          |            | 9,000    | 19,500                     |         |